

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán**

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-20
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2009 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty đổi tên thành Công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank theo Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ủy Ban Chứng khoán cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Quang Thịnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06/07/2010
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/07/2010
Ông Vũ Hồng Quỳnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/07/2010
Ông Nguyễn Tuấn Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 06/07/2010
Ông Đỗ Anh Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 07/04/2010
Bà Đỗ Thị Huyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/04/2010, miễn nhiệm ngày 06/07/2010
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/07/2010

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Thăng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/06/2010
Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc kiểm Giám đốc chi nhánh	Bổ nhiệm ngày 05/10/2010
Bà Đỗ Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/06/2010

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trịnh Thị Mai Hương	Trưởng Ban
------------------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 303 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 18 tháng 03 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty không đăng ký thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Việc đầu tư tài chính của công ty được thực hiện dưới hình thức ủy thác đầu tư mua, bán chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết thông qua các cá nhân. Số liệu phản ánh trên khoản mục "đầu tư ngắn hạn khác" và "phái thu khác về ủy thác đầu tư" là số liệu các khoản đầu tư tài chính do công ty ủy thác đầu tư.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biền

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.045.711.182	19.263.373.106
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	20.940.450.187	2.957.206.662
111	1. Tiền		18.940.450.187	2.957.206.662
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	3.763.144	10.260.322.212
121	1. Đầu tư ngắn hạn		3.763.144	10.260.966.438
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(644.226)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.597.766.182	5.128.081.397
131	1. Phải thu của khách hàng		4.448.997.807	1.879.354.727
132	2. Trả trước cho người bán		2.976.557.296	-
138	5. Các khoản phải thu khác	7	17.172.211.079	3.248.726.670
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.503.731.669	917.762.835
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.012.156.153	616.030.435
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		491.575.516	301.732.400
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.202.981.478	9.344.233.059
220	II. Tài sản cố định	8	10.835.269.917	8.060.798.496
221	1. Tài sản cố định hữu hình		8.051.150.073	5.067.753.993
222	- Nguyên giá		10.766.301.103	6.385.200.589
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.715.151.030)	(1.317.446.596)
227	3. Tài sản cố định vô hình		2.784.119.844	2.993.044.503
228	- Nguyên giá		3.807.929.130	3.311.839.130
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.023.809.286)	(318.794.627)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.367.711.561	1.283.434.563
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	346.624.726	1.136.879.852
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	161.587.449	128.771.705
268	4. Tài sản dài hạn khác		859.499.386	17.783.006
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		59.248.692.660	28.607.606.165

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		45.298.344.932	6.795.439.532
310	I. Nợ ngắn hạn		45.298.344.932	6.795.439.532
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	578.125.000
312	2. Phải trả người bán		1.645.300.673	1.118.557.600
313	3. Người mua trả tiền trước		82.687.400	76.683.855
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	168.225.779	4.599.453
315	5. Phải trả người lao động		1.075.568	69.477
316	6. Chi phí phải trả	12	1.014.119.377	527.525.977
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	42.386.936.135	4.489.873.170
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	5.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.950.347.728	21.812.166.633
410	I. Vốn chủ sở hữu		13.950.347.728	21.812.166.633
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	35.100.000.000	35.100.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.149.652.272)	(13.287.833.367)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		59.248.692.660	28.607.606.165

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		230.406.040.000	12.773.740.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		217.150.940.000	12.773.740.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		217.150.940.000	12.773.740.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		50.000.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		50.000.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		12.849.100.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		12.849.100.000	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		356.000.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		356.000.000	-



Nguyễn Thị Thanh Thủy
Phụ trách kế toán



Phạm Ngọc Thắng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu	15	3.338.147.502	3.733.406.606
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.485.572.322	521.280.257
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2.946.675	181.118.719
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		-	1.082.500.000
01.9	Doanh thu khác		1.849.628.505	1.948.507.630
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	68.235.787
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		3.338.147.502	3.665.170.819
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	16	3.882.339.345	1.422.708.928
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(544.191.843)	2.242.461.891
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	8.532.908.326	7.079.184.141
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.077.100.169)	(4.836.722.250)
31	8. Thu nhập khác		1.223.730.769	554.188.724
32	9. Chi phí khác		8.449.505	718.644.570
40	10. Lợi nhuận khác		1.215.281.264	(164.455.846)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(7.861.818.905)	(5.001.178.096)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(7.861.818.905)</u>	<u>(5.001.178.096)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	(2.240)	(1.425)

shuyt

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Phụ trách kế toán



Phạm Ngọc Thắng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
 Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Năm 2010

Thuyết minh	Đầu năm		Tăng		Giảm		Cuối năm	
	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.100.000.000 (13.287.833.367)	35.100.000.000 (8.286.655.271)	- (7.861.818.905)	- (5.001.178.096)	- -	- -	35.100.000.000 (21.149.652.272)	35.100.000.000 (13.287.833.367)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối								
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	21.812.166.633	26.813.344.729	(7.861.818.905)	(5.001.178.096)	-	-	13.950.347.728	21.812.166.633

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Phụ trách kế toán




Phạm Ngọc Thăng
 Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2011

(A) 5/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(7.861.818.905)	(5.001.178.096)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.102.719.093	1.343.532.117
03	Các khoản dự phòng		-	(1.283.302.229)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.844.734.704)	(1.806.715.462)
06	Chi phí lãi vay		-	51.582.104
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(7.603.834.516)	(6.696.081.566)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.484.726.296)	(12.100.651.437)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		-	7.625.703.511
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		37.917.787.863	367.560.208
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		394.129.408	285.522.621
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(51.582.104)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		245.000.000	2.419.912.964
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(874.532.124)	(131.271.705)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		21.593.824.335	(8.280.887.508)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.877.190.514)	(4.944.427.709)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	8.431.818
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.844.734.704	1.806.715.462
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.032.455.810)	(3.129.280.429)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		(578.125.000)	4.468.125.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(3.890.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(578.125.000)	578.125.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.983.243.525	(10.832.042.937)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm		2.957.206.662	13.789.249.599
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm		20.940.450.187	2.957.206.662


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Phụ trách kế toán


Phạm Ngọc Thăng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2009 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank theo Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ủy Ban Chứng khoán cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.100.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ, một trăm triệu đồng chẵn), tương đương 3.510.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Môi giới chứng khoán Tư vấn đầu tư chứng khoán Lưu ký chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | | |
|----------------------|-------|-----|
| - Thiết bị văn phòng | 05-07 | năm |
| - Phần mềm quản lý | 05 | năm |

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	-	-
Của người đầu tư	38.815.960	1.306.106.279.000
- Cổ phiếu và CCQ	38.815.960	1.306.106.279.000
	<u>38.815.960</u>	<u>1.306.106.279.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	141.550.000	47.998.763
Tiền gửi ngân hàng	5.437.953.278	401.136.654
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	13.360.946.909	2.508.071.245
Các khoản tương đương tiền (**)	2.000.000.000	-
	20.940.450.187	2.957.206.662

(*) Khoản tiền gửi của nhà đầu tư vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng để phục vụ cho việc mua bán chứng khoán của nhà đầu tư.

(**) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2010 như sau:

- Gửi theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 23/2010/LVHD ngày 23/09/2010 tại Ngân hàng Liên Việt Hà Nội - Phòng Giao dịch Hà Đông, số tiền gửi 1,5 tỷ đồng, thời hạn gửi từ ngày 23/09/2010 đến ngày 23/03/2010, lãi suất 10,5%/năm.

- Gửi theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 21/12/2010 tại Ngân hàng TMCP Liên Việt - Phòng Giao dịch Hà Đông, số tiền gửi là 500 triệu đồng, thời hạn gửi từ ngày 21/12/2010 đến ngày 21/03/2010, lãi suất 14%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	3.763.144	2.723.144
- Chứng khoán niêm yết	3.763.144	2.723.144
Đầu tư ngắn hạn khác	-	10.258.243.294
- Nhận repo chứng khoán	-	10.000.000.000
- Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	258.243.294
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(644.226)
	3.763.144	10.260.322.212

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	660.000	-
Bảo hiểm y tế	135.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	60.000	-
Phải thu về ủy thác đầu tư	3.556.420.000	-
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.353.459.028	-
Lãi dự thu	55.277.778	1.266.666.663
Ông Nguyễn Tuấn Dương	-	1.755.668.833
Ông Nguyễn Hữu Quang	39.654.545	39.654.545
Công ty CP ĐT&KD bất động sản EVS	-	146.793.550
Phải thu khác	-	39.943.079
Phải thu khác	166.544.728	-
	17.172.211.079	3.248.726.670

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý khác	Phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư đầu năm	565.322.000	5.819.878.589	3.311.839.130	9.697.039.719
Số tăng trong năm	-	4.395.400.514	496.090.000	4.891.490.514
- Mua sắm mới	-	4.395.400.514	496.090.000	4.891.490.514
- Tặng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(14.300.000)	-	(14.300.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.300.000)	-	(14.300.000)
Số dư cuối năm	565.322.000	10.200.979.103	3.807.929.130	14.574.230.233
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	89.053.412	1.228.393.184	318.794.627	1.636.241.223
Số tăng trong năm	77.835.164	1.325.719.969	705.014.659	2.108.569.792
- Trích khấu hao	77.835.164	1.325.719.969	705.014.659	2.108.569.792
Số giảm trong năm	-	(5.850.699)	-	(5.850.699)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.850.699)	-	(5.850.699)
Số dư cuối năm	166.888.576	2.548.262.454	1.023.809.286	3.738.960.316
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Đầu năm	476.268.588	4.591.485.405	2.993.044.503	8.060.798.496
Cuối năm	398.433.424	7.652.716.649	2.784.119.844	10.835.269.917

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chi tiêu	Giá trị (VND)	
35.100.000.000	Nguyên giá	14.574.230.233	0,42
	Khấu hao	(3.738.960.316)	
	Giá trị còn lại	10.835.269.917	0,31

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	241.922.714	848.624.467
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	104.702.012	288.255.385
	346.624.726	1.136.879.852

10 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	128.771.705	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	16.968.487	8.771.705
Tiền lãi phân bổ trong năm	15.847.257	-
Số cuối năm	161.587.449	128.771.705

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	17.283.789	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.980.635	-
Thuế Thu nhập cá nhân	129.961.355	4.599.453
	168.225.779	4.599.453

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí thuê nhà	619.200.000	404.481.952
Chi phí phải trả các sở giao dịch chứng khoán	247.726.796	-
Chi phí đường truyền trang web	59.830.775	50.000.000
Trích trước chi phí điện nước	32.896.736	1.630.608
Chi phí khác	54.465.070	71.413.417
	1.014.119.377	527.525.977

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	5.712.596	1.058.602.730
Kinh phí công đoàn	1.511.800	959.216
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.360.946.909	2.424.970.344
Công ty Cổ phần Thép Cửu Long	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư SGI	3.400.000.000	-
Phải trả theo các hợp đồng vay cá nhân	25.518.450.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.314.830	5.340.880
	42.386.936.135	4.489.873.170

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.100.000.000	35.100.000.000
- Vốn góp đầu năm	35.100.000.000	35.100.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	35.100.000.000	35.100.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.510.000	3.510.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.510.000	3.510.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.510.000	3.510.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.510.000	3.510.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.510.000	3.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

15 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.338.147.502	3.733.406.606
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.485.572.322	521.280.257
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, hợp tác KD	2.946.675	181.118.719
- Doanh thu hoạt động tư vấn	-	1.082.500.000
- Doanh thu khác	1.849.628.505	1.948.507.630
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(68.235.787)
	3.338.147.502	3.665.170.819

16 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	427.955.221	237.695.466
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	1.128.049.573
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	66.815.630	-
Chi phí dự phòng	-	(1.283.302.229)
Chi phí khác	1.507.674.400	59.726.823
Chi phí trực tiếp chung	1.879.894.094	1.280.539.295
- Chi phí nhân viên	1.030.819.907	1.065.337.647
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	-	1.162.350
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	376.027.989	159.065.298
- Chi phí khác bằng tiền	473.046.198	54.974.000
	3.882.339.345	1.422.708.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handj Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.287.384.461	1.251.813.283
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	658.232.493	133.404.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.774.059.030	2.174.040.394
Thuế, phí và lệ phí	4.522.650	71.620.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.257.360.708	2.907.715.743
Chi phí khác bằng tiền	551.348.984	540.590.044
	8.532.908.326	7.079.184.141

18 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.861.818.905)	(5.001.178.096)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(186.675)	(61.688.600)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(186.675)	(61.688.600)
Tổng thu nhập chịu thuế	(7.862.005.580)	(5.062.866.696)
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	(7.862.005.580)	(5.062.866.696)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(7.861.818.905)	(5.001.178.096)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.861.818.905)	(5.001.178.096)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.510.000	3.510.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.240)	(1.425)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tỷ doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Tư vấn	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	1.485.572.322	2.946.675	1.849.628.505	-	3.338.147.502
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	-	-	-	-	(9.077.100.169)
Tài sản bộ phận trực tiếp	13.522.534.358	3.763.144	15.353.459.028	-	28.879.756.530
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	30.368.936.130
Tổng tài sản	13.522.534.358	3.763.144	15.353.459.028	-	59.248.692.660
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	13.360.946.909	-	28.918.450.000	-	42.279.396.909
Nợ không phân bổ	-	-	-	-	3.018.948.023
Tổng nợ phải trả	13.360.946.909	-	28.918.450.000	-	45.298.344.932

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

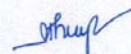
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	7.625.703.511	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh CK	20	(8.280.887.508)	(15.906.591.019)
Tiền chi mua chứng khoán	25	-	(887.902.000)
Tiền thu hồi bán lại chứng khoán	26	-	8.513.605.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.129.280.429)	4.496.423.082



Nguyễn Thị Thanh Thủy
Phụ trách kế toán




Phạm Ngọc Thắng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2011

